

**BIỂU TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ (SAU SẮP XẾP) GIAI ĐOẠN NĂM 2022-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

STT	Nội dung	Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 1 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 2 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 3 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 4 (chi tiết tại phụ biểu 2)		
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã
1	Thu Doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý												
-	Thuế giá trị gia tăng		100%			100%			100%				100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		100%			100%			100%				100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		100%			100%			100%				100%
-	Thuế tài nguyên		100%			100%		30%	70%				100%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100%			100%			100%				100%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		100%			100%			100%				100%
2	Thu Doanh nghiệp nhà nước Địa phương quản lý												
-	Thuế giá trị gia tăng		100%			100%			100%				100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		100%			100%			100%				100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		100%			100%			100%				100%
-	Thuế tài nguyên		100%			100%		30%	70%				100%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100%			100%			100%				100%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		100%			100%			100%				100%
3	Thu Doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài												
-	Thuế giá trị gia tăng		100%			100%			100%				100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		100%			100%			100%				100%
	+ Trong đó thuế Tối thiểu toàn cầu (NSTW)							100%	0%				
	+ Trong đó thuế TNDN còn lại								100%				
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		100%			100%							100%
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>Thu từ hàng hóa NK bán ra trong nước</i>							100%					
	<i>Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước</i>								100%				
-	Thuế tài nguyên		100%			100%			30%	70%			100%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100%			100%				100%			100%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		100%			100%			100%				100%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh												
a)	Các Doanh nghiệp thuộc Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		100%			100%							

STT	Nội dung	Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 1 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 2 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 3 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 4 (chi tiết tại phụ biểu 2)		
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã
-	Thuế giá trị gia tăng								100%			100%	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp								100%			100%	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt								100%			100%	
	Trong đó												
	<i>Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>							100%					
	<i>Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước</i>								100%				
-	Thuế tài nguyên								30%	70%		100%	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp									100%			100%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước								100%			100%	
b)	Các Hộ kinh doanh cá thể thuộc Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			100%			100%						
-	Thuế giá trị gia tăng								70%	30%			100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt								70%	30%			100%
-	Thuế tài nguyên								30%	70%			100%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp									100%			100%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước								100%			100%	
5	Lệ phí trước bạ												
-	Đối với tài sản là ô tô, tàu thuyền, xe máy...(trừ nhà đất)		50%	50%		50%	50%		100%			100%	
-	Đối với nhà đất			100%			100%			100%			100%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đối với hộ gia đình và cá nhân)			100%			100%			100%			100%
7	Thuế thu nhập cá nhân								100%				
-	Thuế tính quản lý thu		100%			100%						100%	
-	Thuế cơ sở quản lý thu			100%			100%						100%
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán		100%			100%			100%			100%	
9	Thu tiền sử dụng đất												
a)	Tiêu chí 1												
-	Đối với trường hợp giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất (các khu đô thị, dự án nhà ở thương mại...), đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu.		100%			100%							

STT	Nội dung	Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 1 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 2 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 3 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 4 (chi tiết tại phụ biểu 2)		
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã
-	Đối với trường hợp thu tiền sử dụng đất từ các dự án có sử dụng vốn vay ngân quỹ nhà nước theo chủ trương đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh và phương án tài chính được UBND tỉnh phê duyệt.		100%			100%							
-	Đối với trường hợp giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân do cấp huyện (đã thực hiện trước khi kết thúc hoạt động, nhưng có số nộp sau thời điểm 01/7/2025)) và cấp xã sau sắp xếp quản lý và tổ chức thu;												
+	Trên địa bàn các phường		90%	10%									
+	Trên địa bàn cấp xã còn lại		90%	10%		80%	20%						
b)	Tiêu chí 2												
-	Thu theo giá quy định (thổ cư, giãn dân)							40%	60%				
-	Thu tiền sử dụng đất của các dự án được UBND tỉnh giao đất hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án							90%	10%				
-	Thu tiền sử dụng đất từ quỹ đất đấu giá tạo vốn xây dựng hạ tầng; đấu giá đất ở của các dự án do cấp huyện trước đây làm chủ đầu tư (nay chuyển giao/bàn giao cho cấp tỉnh/cấp xã quản lý)							80%	20%				
-	Thu tiền sử dụng đất từ quỹ đất đấu giá tạo vốn xây dựng hạ tầng; đấu giá đất ở của các dự án do cấp xã làm chủ đầu tư							20%	80%				
-	Thu tiền sử dụng đất từ khai thác quỹ đất vùng phụ cận ga đường sắt sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật						50%	50%					
c)	Tiêu chí 3 (theo cấp thực hiện)												
-	Cấp tỉnh thu										100%		
-	Cấp xã thu											100%	
10	Thu phí và lệ phí (đã bao gồm lệ phí môn bài)												
a)	Phí và lệ phí TW	100%			100%			100%			100%		

STT	Nội dung	Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 1 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 2 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 3 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 4 (chi tiết tại phụ biểu 2)		
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã
b)	Phí và lệ phí tỉnh		100%			100%			100%			100%	
c)	Phí và lệ phí cấp xã			100%			100%			100%			100%
d)	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		20%	80%		20%	80%			100%			
e)	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:												
-	Phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp		100%			100%							
-	Phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt												
+	Đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước			100%			100%						
	Đơn vị cung cấp nước sạch là Công ty cổ phần Cấp nước Phú Thọ		100%			100%							
+	UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân tự khai thác nước để sử dụng thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt			100%			100%						
11	Thuế bảo vệ môi trường (phần NSĐP được hưởng)		100%			100%			100%			100%	
12	Thu Hoa lợi công sản, Quỹ đất công ích... tại cấp xã			100%			100%			100%			100%
13	Thu khác ngân sách theo quy định: cấp nào thực hiện, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Trong đó bao gồm Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa		100%			100%			100%			100%	
14	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật: cơ quan nhà nước cấp nào thực hiện, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật): cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào xử lý, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

STT	Nội dung	Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 1 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 2 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 3 (chi tiết tại phụ biểu 2)			Địa bàn các xã/phường thuộc nhóm 4 (chi tiết tại phụ biểu 2)		
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã
16	Thu từ bán tài sản nhà nước (không bao gồm tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước): cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào quản lý, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
17	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước												
a)	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý		100%			100%			100%			100%	
b)	Do cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý			100%			100%			100%			100%
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản												
a)	Tiền thu do Trung ương cấp Giấy phép	70%	30%		70%	30%		70%	30%		70%	30%	
b)	Tiền thu do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép:		50%	50%		50%	50%		60%	40%		100%	
19	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước												
a)	Tiền thu do Trung ương cấp Giấy phép	70%	30%		70%	30%		70%	15%	15%	70%	30%	
b)	Tiền thu do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép:		50%	50%		50%	50%		30%	70%		100%	
20	Thuế sử dụng đất nông nghiệp									100%			100%
21	Các khoản thu chậm nộp												
-	Các khoản thu chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và hạch toán riêng theo các sắc thuế thực hiện điều tiết theo quy định từ mục 1 đến mục 20												
-	Các khoản thu chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu												
	Cấp tỉnh thu		100%			100%			100%			100%	
	Cấp xã thu			100%			100%			100%			100%